

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1-4

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6

THUYẾT MINH

7-20

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV (gọi tắt là "Công ty") đã trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

**MỤC LỤC**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 29

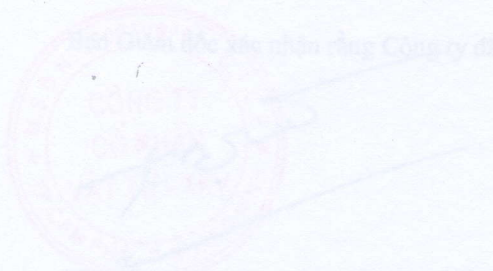
**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và danh tính lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các ước tính và mức ước một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các nghi ngờ tài sản thích hợp có được ước tính hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh và;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số liệu được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Minh Nghĩa  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2016







Số: 248 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư - TKV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 02/08/2016, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

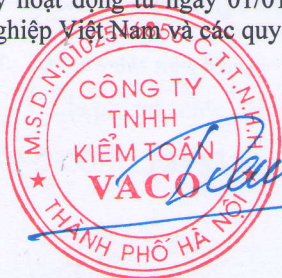
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016

**Nguyễn Phương Lan**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2013-156-1

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ  
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30/06/2016

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
 Đơn vị: VND  
 01/01/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>865.763.760.395</b>	<b>559.550.383.241</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>8.072.657.194</b>	<b>17.267.218.663</b>
1. Tiền	111		8.072.657.194	17.267.218.663
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>654.723.265.164</b>	<b>368.056.198.964</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	650.724.603.268	364.282.688.834
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.843.648.000	2.582.168.296
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		760.004.523	157.485.587
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		395.009.373	1.033.856.247
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>191.864.685.359</b>	<b>166.525.082.338</b>
1. Hàng tồn kho	141		191.864.685.359	166.545.227.983
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(20.145.645)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.103.152.678</b>	<b>7.701.883.276</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	5.379.313.383	2.479.626.793
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.038.969.269	5.222.256.483
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	12	1.684.870.026	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>158.603.036.519</b>	<b>158.064.715.379</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>130.000.000</b>	<b>160.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		130.000.000	160.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>126.847.306.622</b>	<b>127.907.472.350</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	126.847.306.622	127.907.472.350
- Nguyên giá	222		499.839.869.517	481.644.035.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(372.992.562.895)	(353.736.563.267)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>14.323.766.093</b>	<b>7.356.087.194</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.323.766.093	7.356.087.194
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.301.963.804</b>	<b>22.641.155.835</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	17.301.963.804	22.641.155.835
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.024.366.796.914</b>	<b>717.615.098.620</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
 Đơn vị: VND  
 01/01/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>858.258.720.167</b>	<b>563.406.781.271</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>817.061.698.564</b>	<b>531.607.422.145</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	427.139.782.604	454.401.430.584
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		544.817.475	562.402.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.077.899.570	3.213.610.399
4. Phải trả người lao động	314		29.774.368.472	28.064.598.744
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		206.463.607	353.300.031
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	8.239.017.128	18.626.903.632
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	316.618.118.689	17.528.735.600
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	28.235.000.000	1.500.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.226.231.019	7.356.440.419
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41.197.021.603</b>	<b>31.799.359.126</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	-	710.827.886
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	38.002.098.477	27.767.011.423
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.194.923.126	3.321.519.817
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>166.108.076.747</b>	<b>154.208.317.349</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	16	<b>166.108.076.747</b>	<b>154.208.317.349</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.208.317.349	4.208.317.349
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.899.759.398	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.899.759.398	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.024.366.796.914</b>	<b>717.615.098.620</b>



Trần Minh Nghĩa  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016

Hoàng Xuân Tùng  
 Kế toán trưởng

Ngô Thị Hồng Thoan  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 02 - DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	đến ngày 30/06/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 18	1.598.506.067.011	2.464.989.057.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	1.598.506.067.011	2.464.989.057.751
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11 19	1.491.138.156.374	2.331.662.512.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	107.367.910.637	133.326.544.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 20	127.597.273	264.829.611
7. Chi phí tài chính - Bao gồm: Chi phí lãi vay	22 21 23	9.132.840.667 9.039.215.115	10.503.915.278 10.195.717.883
8. Chi phí bán hàng	25 22	67.125.084.717	62.163.387.319
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 22	17.493.815.153	44.092.672.477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30	13.743.767.373	16.831.399.296
11. Thu nhập khác	31	1.386.550.086	3.918.986.843
12. Chi phí khác	32	568.945.020	570.036.320
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	817.605.066	3.348.950.523
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	14.561.372.439	20.180.349.819
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 24	2.912.274.488	4.439.676.960
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	11.649.097.951	15.740.672.859
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 25	777	1.049



Trần Minh Nghĩa  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016

Hoàng Xuân Tùng  
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Bích  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**MẪU SỐ B 03 - DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	14.561.372.439	20.180.349.819
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	20.040.750.570	19.500.793.187
- Các khoản dự phòng	3	26.714.854.355	26.858.106.900
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	18.364	91.185.353
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	92.883.150	(94.311.957)
- Chi phí lãi vay	6	9.039.215.115	10.195.717.883
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	70.449.093.993	76.731.841.185
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(287.138.649.012)	(58.586.179.828)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(25.319.457.376)	(37.686.568.236)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(38.610.114.849)	11.427.427.248
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.439.505.441	2.963.687.812
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.039.215.115)	(10.195.717.883)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.234.427.348)	(1.485.565.307)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	130.800.000	5.261.050.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.155.402.091)	(11.020.536.112)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(292.477.866.357)</b>	<b>(22.590.561.121)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(26.137.262.387)	(7.814.480.500)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	52.610.000	-
3. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.505.496	94.311.957
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.041.146.891)</b>	<b>(7.720.168.543)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.098.175.688.098	1.975.205.511.279
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(788.851.217.955)	(1.944.493.812.432)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>309.324.470.143</b>	<b>30.711.698.847</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(9.194.543.105)</b>	<b>400.969.183</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17.267.218.663</b>	<b>8.796.942.387</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(18.364)	40.795
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8.072.657.194</b>	<b>9.197.952.365</b>



Trần Minh Nghĩa  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2016

Hoàng Xuân Tùng  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Hồng Thoan  
Người lập biểu